

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**

Bản án số: **127/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 30- 9 -2025
V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tường Bích

2. Ông Lê Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 30/12/2002 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 083302010015, cấp ngày 31/5/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp H, xã C, tỉnh V).

- Bị đơn: Trần Nhật D, sinh ngày 28/5/2001 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 083201008484, cấp ngày 17/6/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp S, xã C, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/3/2025, bản tự khai đề ngày 30/7/2025, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Trần Nhật D kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh T (Nay là xã C, tỉnh V). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng không quan tâm vợ con, đi làm thì tiền tiêu xài một mình không chu cấp, vợ chồng cự cãi thì anh D bỏ về sống cùng gia đình anh, bỏ mặc vợ con, vợ chồng ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh D có với nhau 01 con chung tên Trần Ngọc Nhật T, sinh ngày 13/10/2023 chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Trần Nhật D.

- Về con chung: Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2025.

* Bị đơn anh Trần Nhật D các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T. Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm T được nuôi dưỡng con chung, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm T khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2025 (Bút lục số 38). Bị đơn anh Trần Nhật D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh D đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh D là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Nhật D kết hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh T (Nay là xã C, tỉnh V), phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do chồng không quan tâm vợ con, đi làm thì tiêu xài một mình không chu cấp, vợ chồng cự cãi thì anh D bỏ về sống cùng gia đình anh, bỏ mặc vợ con, vợ chồng ly thân, không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh D. Anh D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T

và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thị Cẩm T khai, chị và anh D chung sống có với nhau 01 con chung tên Trần Ngọc Nhật T, sinh ngày 13/10/2023, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc chị T và anh D sống ly thân, con chung chị T nuôi dưỡng đến nay và hiện con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cháu T, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Trần Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T.
2. Chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Nhật D.
3. Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm T được nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Nhật T, sinh ngày 13/10/2023. Ghi nhận chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Trần Nhật D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung Trần Ngọc Nhật T của chị Trần Thị Cẩm T và anh Trần Nhật D chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011312 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
(Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh T (Nay là xã
C, tỉnh V), số 52, ngày 25/9/2023;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương